

Bản án số: 221/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thanh Hương - Nguyên là Hiệu trưởng Trường mầm non Tân Quy.

2. Bà Nguyễn Kim Hồng - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 922/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường T, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H - Luật sư của Công ty Luật TNHH C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Hà Mỹ T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: đường D, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt ông Oanh, bà Thanh và Luật sư Hải.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng O và bà Lâm Hà Mỹ T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyền số 01 do

Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2012.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng ông O thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách ứng xử. Vợ chồng ông đã tự hòa giải nhiều lần để cứu vãn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2018. Ngoài ra, trong suốt thời gian 6 năm trước khi sống ly thân thì vợ chồng ông cũng không có sự tương tác về tình cảm, sinh lý với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vào tháng 11/2018 ông đã nộp đơn ly hôn với bà T và đã được Tòa án nhân dân Quận K thụ lý giải quyết nhưng do vợ chồng ông không đăng ký tạm trú nên ông đã tự nguyện rút đơn ly hôn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Đến nay, ông O xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Quá trình vợ chồng ông chung sống và xảy ra mâu thuẫn không gây mất an ninh trật tự tại địa phương, không ảnh hưởng đến những người xung quanh nên chính quyền địa phương không biết.

Về con chung: Ông O và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Lâm A, sinh ngày 21/02/2013, con chung đã sống cùng ông O 02 năm nay và hiện con vẫn đang sống với ông. Nay, ông O yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông O cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, không nộp đơn ly hôn tại Tòa án nào khác; việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

2. Bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Hà Mỹ T xác nhận vợ chồng bà có đăng ký kết hôn như ông O trình bày.

Trong thời gian vợ chồng chung sống, do chồng bà là con trai duy nhất nên vợ chồng bà sống cùng mẹ chồng, trong cuộc sống gia đình thì không phải ai cũng vừa lòng ai nên đôi khi có xích mích nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn như ông O trình bày, thực tế bà và ông O chưa bao giờ gây gổ lớn tiếng, động chân, động tay với nhau. Vào năm 2018 theo sự sắp xếp của ông O, bà buộc phải ra ngoài sống riêng, bà đã thuê nhà ở nhiều nơi nhưng không đăng ký tạm trú. Bản thân bà không muốn sống xa chồng, xa con nhưng ông O quá kiên quyết nên bà tuân theo vì sợ sẽ xảy ra chuyện không vui đối với gia đình. Vì lý do trên nên bà và chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Trong cuộc sống hôn nhân có nhiều việc bà T đã sai nhưng vợ chồng bà không có thói hư tật xấu gì, cuộc sống gia đình không khó khăn về kinh tế nên bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông O, bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chung sống và

nuôi dạy con.

Quá trình vợ chồng chung sống đến khi sống ly thân thì không xảy ra mâu thuẫn đến mức gây mất an ninh trật tự, không ảnh hưởng đến những người xung quanh nên chính quyền địa phương cũng không biết được việc vợ chồng bà mâu thuẫn như thế nào.

Về con chung: Bà và ông O có 01 con chung tên Nguyễn Lâm H, sinh ngày 21/02/2013. Từ tháng 11/2018 đến nay con sinh sống cùng với ông O. Nay, bà T muốn đoàn tụ gia đình nên bà không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không có ý kiến vì muốn đoàn tụ gia đình.

Bà T cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ giải quyết về ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, không giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nào khác; việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa ông O và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn như ông O trình bày trong các bản khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bà T có nêu việc muốn đoàn tụ gia đình nhưng bà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đoàn tụ, không có bất kỳ nỗ lực hay giải pháp nào để thực hiện việc hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi quan hệ hôn nhân đang bị đổ vỡ, đồng thời do tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông O và bà T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 10/2018, hơn nữa trong suốt thời gian 6 năm trước khi sống ly thân thì ông O và bà T cũng đã ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ về sinh lý. Như vậy, tuy mâu thuẫn vợ chồng không ồn ào nhưng đã âm ỉ cả một thời gian dài đến 8 năm mà ông O và bà T không có sự tương tác tình cảm vợ chồng, thiếu cảm xúc tinh thần và vật chất, đến nay ông O cũng không còn tình cảm vợ chồng với bà T nên ông không đồng ý quay về đoàn tụ gia đình theo nguyện vọng của bà T. Do cuộc hôn nhân của ông O và bà T đã không thể cứu vãn được nữa, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này chỉ làm cho sự đau khổ kéo dài thêm nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông O được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông O và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Lâm H, sinh ngày 21/02/2013. Trong thời gian ông O và bà T sống ly thân đến nay thì cháu H sống cùng ông O và bà nội, hiện cháu H đã ổn định môi trường sống, môi trường học tập và sự chăm sóc của cha cùng bà nội. Như vậy, trước và sau khi ly hôn thì ông O luôn đảm bảo điều kiện tốt nhất để nuôi và dạy con, cuộc sống của con cũng không bị ảnh hưởng bởi việc ly hôn của cha mẹ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 Điều 82, khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, ông O tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Bà T có quyền thăm nom, chăm sóc con trong khoảng thời gian hợp lý nhưng không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Do ông O và bà T không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

Từ những lý lẽ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông O.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Ông Nguyễn Hoàng O khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với bà Lâm Hà Mỹ T; địa chỉ: đường số D, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật nội dung:*

[4] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng O về việc yêu cầu được ly hôn với bà Lâm Hà Mỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Ông O và bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 179, quyền số 01 ngày 13/10/2012 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, ông O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Trong quá trình vợ chồng ông O và bà T chung sống đã xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cách ứng xử, vợ chồng không hòa hợp, ông bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng phải sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2018 và ông O đã nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh ra

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2019, tiếp đó thì vợ chồng ông O và bà T cũng không quay về sống chung cùng nhau, không tạo được điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng chia sẻ công việc trong gia đình.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường T, Quận G để tham khảo nhưng kết quả không thể hiện việc mâu thuẫn của vợ chồng ông O và bà T, tuy nhiên, ông O và bà T cùng trình bày quá trình vợ chồng ông chung sống và xảy ra mâu thuẫn thì không gây mất an ninh trật tự, không ảnh hưởng đến những người xung quanh nên chính quyền địa phương cũng không biết. Tại các buổi hòa giải Tòa án đã phân tích, động viên để ông O và bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ gia đình nhưng không thành, đến nay bà T cũng không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ giữa vợ và chồng, còn ông O cương quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà T.

[8] Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa ông O và bà T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông O.

[9] Xét yêu cầu của ông O về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[10] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự thì ông O và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Lâm H, sinh ngày 21/02/2013 theo Trích lục khai sinh số 397/TLKS-BS ngày 06/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy khai sinh số 58, ngày 07/02/2013).

[11] Tại bản khai của trẻ H đã trình bày “Con rất thương ba và mẹ, hiện nay con đang ở với ba và bà nội, con muốn được tiếp tục ở với ba và bà nội”. Như vậy, nguyện vọng của trẻ H là được sống cùng với cha là ông O. Hơn nữa, ông O và bà T cùng trình bày, trong thời gian sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay thì trẻ H vẫn sinh sống cùng ông O, tại Sổ tạm trú số 31007392 ngày 22/3/2019 cũng thể hiện ông O và trẻ H đã đăng ký tạm trú tại nhà mẹ đẻ của ông O ở địa chỉ: đường T, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có tên bà T đăng ký tạm trú cùng ông O.

[12] Xét thấy, ông O có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, thực tế trẻ H đã sống cùng ông O và bà nội từ cuối năm 2018 đến nay nên việc tiếp tục giao con chung cho ông O trực tiếp nuôi là cần thiết đảm bảo ổn định tâm lý, môi trường sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ và đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ, mặt khác bà T cũng không có yêu cầu về con chung và không phản đối yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của ông O. Do đó, ông O yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[13] Về cấp dưỡng: Ông O tự nguyện không yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Về tài sản chung, nợ chung: Ông O xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Từ những nhận định nêu trên, thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của luật sư nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng O:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng O được ly hôn với bà Lâm Hà Mỹ T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lâm H, sinh ngày 21/02/2013 cho ông O được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Ông O không yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông O phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032067 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông O, bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, Q. A, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

.

(28).

(29)

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu CMT có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu nêu trên, thì hàng tháng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng công trình (Tranimexco) còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất là 1%/năm tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)